



**VIGLACERA**

Công ty cổ phần  
kính Viglacera Đáp Cầu

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2021**



## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

***Kính thưa các vị đại biểu, thưa quý vị cổ đông!***

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu.
- Căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.
- Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát tình hình điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình thực hiện công tác Kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2020 như sau:

### **1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo điều lệ Công ty và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát đã duy trì nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ tài liệu, chứng từ và tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty.
- Giám sát, kiểm tra việc kiểm kê tài sản của Công ty tại các thời điểm 0h ngày 01/07/2020, 24h ngày 31/12/2020.
- Ban kiểm soát đã xem xét các báo cáo tài chính; báo cáo hàng tuần hoạt động sản xuất kinh doanh. Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập; xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu được nêu trong báo cáo kiểm toán, đồng thời giám sát việc thực thi các kiến nghị do cơ quan kiểm toán đưa ra, từ đó đưa ra các đề xuất, kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban điều hành.
- Trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban điều hành của Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi.

### **2. Báo cáo kết quả giám sát:**

#### **2.1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2020.**

Ban kiểm soát đã giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty; thông qua xem

xét báo cáo và tình hình thực tế tại Công ty, Ban kiểm soát thống nhất đánh giá như sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với qui định của hệ thống tài chính kế toán hiện hành và đã được kiểm toán.

Thông nhất với báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**a. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 (Đã được kiểm toán):**

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	KH năm 2020	TH năm 2020	TH/KH (%)
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế hợp nhất.</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>-6.210</b>	<b>-20.485</b>	
<b>1.1</b>	<b>Công ty mẹ</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>-12.380</b>	<b>-11.666</b>	
-	Lợi nhuận từ SXKD	-	-4.930	-4.248	
-	Khấu hao các tài sản dùng sản xuất	-	-7.450	-7.418	
<b>1.2</b>	<b>Công ty TNHH MTV LDK Viglacera</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>6.170</b>	<b>-8.794</b>	
<b>1.3</b>	<b>Lỗ công ty liên kết (Cty Vinafacade)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>0</b>	<b>-25</b>	
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>156.000</b>	<b>54.621</b>	<b>35%</b>
<b>2.1</b>	<b>Công ty mẹ</b>		<b>4.700</b>	<b>1.050</b>	<b>22%</b>
-	Kính cán	-	4.700	768	16%
-	Doanh thu khác	-	0	282	
<b>2.2</b>	<b>Công ty TNHH MTV LDK Viglacera</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>151.300</b>	<b>53.571</b>	<b>35%</b>
-	Kính gia công	-	121.800	47.668	39%
-	Lắp dựng kính	-	29.500	5.634	19%
-	Doanh thu khác	-	0	269	
<b>3</b>	<b>Thành phẩm tồn kho</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>27.014</b>	<b>29.434</b>	<b>109%</b>
3.1	Công ty mẹ	-	22.132	25.187	114%
3.2	Công ty TNHH MTV LDK Viglacera	-	4.882	4.246	87%
<b>4</b>	<b>Nợ phải thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>18.442</b>	<b>22.778</b>	<b>124%</b>
4.1	Công ty mẹ	-	11.951	14.044	118%
4.2	Công ty TNHH MTV LDK Viglacera	-	6.491	8.436	130%

- **Doanh thu:** Doanh thu đạt 54,6 tỷ đồng/KH 156 tỷ đồng ( bằng 35 % KH).

- **Nợ phải thu:** Tăng 24 % KH

- **Thành phẩm tồn kho:** Tăng 9% KH.

**- Lợi nhuận:**

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	KH năm 2020	TH năm 2020
	<b>Lợi nhuận trước thuế hợp nhất</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>-6.210</b>	<b>-20.485</b>
1	<b>Công ty mẹ</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>-12.380</b>	<b>-11.666</b>
-	Lợi nhuận từ SXKD	-	-4.930	-4.248
-	Khấu hao các tài sản dùng sản xuất	-	-7.450	-7.418
2	<b>Công ty TNHH MTV LDK Viglacera</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>6.170</b>	<b>-8.794</b>
3	<b>Lỗ công ty liên kết( Cty Vinafacade)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>0</b>	<b>-25</b>

Lợi nhuận hợp nhất Công ty lỗ 20,485 tỷ đồng; trong đó: Công ty mẹ lỗ 11,666 tỷ đồng. Công ty TNHH MTV lắp dựng kính Viglacera lỗ 8,794 tỷ đồng. Lỗ từ công ty liên kết là 25 triệu đồng.

**2.2. Giám sát hoạt động của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:**

**Đối với HĐQT:**

Trong năm 2020, Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt.

HĐQT đã họp và ban hành các Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt. Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành có sự thống nhất cao của các thành viên.

**Đối với Ban điều hành:**

Ban điều hành đã triển khai nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

**Đối với các cổ đông:**

Trong năm 2020 Ban kiểm soát không nhận được yêu cầu kiểm tra nào từ cổ đông.

**2.3. Công tác quản lý tài chính:**

- Sổ sách kế toán rõ ràng, minh bạch; Việc tính toán, ghi chép các số liệu trong báo cáo phản ánh trung thực, đúng nguyên tắc; Việc luân chuyển, sử dụng, lưu trữ bảo quản chứng từ hợp pháp, hợp lệ, hợp lý.

- Công tác kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật.

- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán độc lập theo đúng qui định của Nhà nước, và theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành.

+ *Kết quả SXKD năm 2020 cụ thể:*

TT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất
1	Doanh thu	Tr.đồng	2.173	53.571	54.622
2	Giá vốn	Tr.đồng	3.619	52.475	54.972
3	Chi phí quản lý	Tr.đồng	1.969	5.810	7.779
4	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	534	2.885	3.420
5	Chi phí tài chính	Tr.đồng	7.118	1002	2.424
6	Lãi tiền gửi, cổ tức	Tr.đồng	865	2	867
7	<b>Lợi nhuận từ SXKD</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>10.202</b>	<b>-8.599</b>	<b>13.106</b>
8	Lỗ/lãi do chi phí khác	Tr.đồng	-7.159	-195	-7.354
9	Lỗ từ công ty liên kết	Tr.đồng			-25
10	<b>Lợi nhuận trước thuế hợp nhất</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>17.361</b>	<b>-8.794</b>	<b>20.485</b>

### 3. Kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS

Để thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS tiếp tục thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động phối hợp với Kiểm toán độc lập, hệ thống quản trị của Công ty và hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020, kế hoạch 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Thay mặt Ban kiểm soát, Kính chúc các Quý vị đại biểu, các Quý vị cổ đông sức khỏe, thành công!

Trân trọng cảm ơn!

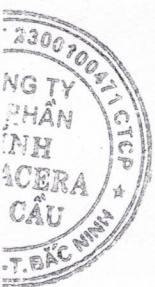
TM. BAN KIỂM SOÁT  
Trưởng ban

*Nguyễn Cẩm Vân*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

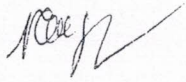
Mã tài sản số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
		VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>67.804.229.554</b>	<b>124.817.810.536</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	39.701.633.197
111	1. Tiền	1.751.159.091	1.984.555.663
112	2. Các khoản tương đương tiền	-	37.717.077.534
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	13.374.500.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	13.374.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	14.089.514.188	21.598.518.342
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	29.446.719.450
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.502.700.159
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.439.773.345
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(14.753.257.264)	(13.821.364.612)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	9	30.690.000
140	IV. Hàng tồn kho	10	46.288.953.279
141	1. Hàng tồn kho	52.390.806.205	51.104.512.813
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.901.286.950)	(4.815.559.534)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	5.474.037.020	3.854.205.718
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	5.474.037.020	3.854.205.718
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>115.191.318.686</b>	<b>101.319.736.039</b>
220	I. Tài sản cố định	92.381.211.433	51.350.390.518
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	51.350.390.518
222	- Nguyên giá	400.812.805.555	347.397.338.186
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(308.431.594.122)	(296.046.947.668)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	-	47.630.307.696
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	47.630.307.696
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.339.037.825
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	813.350.773	839.037.825
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.500.000.000	1.500.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(141.471.790)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác	20.638.228.270	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	20.638.228.270
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>182.995.548.240</b>	<b>226.137.546.575</b>



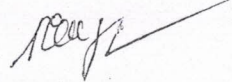
## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>100.701.285.253</b>	<b>123.357.916.294</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>			
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	97.737.773.557	119.642.337.174
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	65.498.444.367	79.573.775.942
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.308.444.471	1.093.913.215
314	4. Phải trả người lao động		7.727.582.073	7.059.266.978
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.237.170.954	1.330.550.484
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	538.717.965	657.747.866
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	9.173.771.454	11.037.130.993
			12.253.642.273	18.889.951.696
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>			
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	2.963.511.696	3.715.379.120
			2.963.511.696	3.715.379.120
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>82.294.262.987</b>	<b>102.779.630.281</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>			
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	20	82.294.262.987	102.779.630.281
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		300.000.000.000	300.000.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.118.293.083	43.118.293.083
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(260.824.030.096)	(240.338.662.802)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(240.338.662.802)	(232.883.943.147)
			(20.435.367.294)	(7.454.717.655)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>182.995.548.240</b>	<b>226.137.546.575</b>

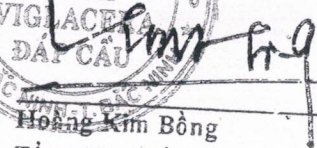


Hoàng Thị Hằng  
Người lập biểu



Hoàng Thị Hằng  
Phụ trách kế toán



  
Hoàng Kim Bông  
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	56.993.903.028	65.714.531.913
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	2.372.269.099	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.621.633.929	65.714.531.913
11	4. Giá vốn hàng bán	24	54.972.460.311	56.538.518.714
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(350.826.382)	9.176.013.199
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	867.235.111	5.578.890.326
22	7. Chi phí tài chính	26	2.423.966.262	2.513.542.795
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.245.385.056	2.458.006.104
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(25.687.052)	(107.845.036)
25	9. Chi phí bán hàng	27	3.419.698.702	3.292.572.234
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	7.718.677.804	8.827.625.452
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.131.621.091)	13.318.008
31	12. Thu nhập khác	29	361.936.839	-
32	13. Chi phí khác	30	7.715.683.042	7.463.368.588
40	14. Lợi nhuận khác		(7.353.746.203)	(7.463.368.588)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(20.485.367.294)	(7.450.050.580)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	4.667.075
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(20.485.367.294)</u>	<u>(7.454.717.655)</u>
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(20.485.367.294)	(7.454.717.655)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	(683)	(248)



*Hoàng Thị Hằng*

Hoàng Thị Hằng  
Người lập biểu

*Hoàng Thị Hằng*

Hoàng Thị Hằng  
Phụ trách kế toán



*Hoàng Kim Bông*

Hoàng Kim Bông  
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2021



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

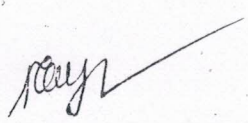
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(20.485.367.294)	(7.450.050.580)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		15.947.575.369	7.996.846.765
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		12.384.646.454	8.320.153.296
03	- Các khoản dự phòng		2.159.091.858	2.689.682.300
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(44.943.888)	(63.406.341)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(796.604.171)	(5.407.588.594)
06	- Chi phí lãi vay		2.245.385.056	2.458.006.104
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.537.791.985)	546.796.185
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		4.101.785.906	(10.990.527.192)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.286.293.392)	5.632.529.765
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(8.216.863.897)	(2.992.121.628)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(20.638.228.270)	110.537.628
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.425.437.309)	(1.853.740)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.667.074)	(49.784.953)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(35.007.496.021)	(7.744.423.935)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(9.749.440.176)	(40.588.901.392)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		13.374.500.000	
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	49.199.961.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		822.291.223	1.940.972.630
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.447.351.047	10.552.032.238
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		9.855.867.277	4.646.207.505
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(17.246.140.353)	(1.217.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.390.273.076)	3.428.707.505

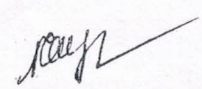


## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(37.950.418.050)	6.236.315.808
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		39.701.633.197	33.465.440.382
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(56.056)	(122.993)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.751.159.091</u>	<u>39.701.633.197</u>

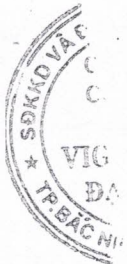
  
Hoàng Thị Hằng  
Người lập biểu

  
Hoàng Thị Hằng  
Phụ trách kế toán

  
Hoàng Kim Đồng

Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2021



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Công văn chấp thuận chào bán:	Công văn số 3379/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 28/05/2018.
2. Tên chứng khoán chào bán:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu
3. Loại chứng khoán:	Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá:	10.000 VND/cổ phiếu
5. Số lượng chứng khoán chào bán:	22.000.000 cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho Tổng Công ty Viglacera - CTCP và các cổ đông khác
6. Tổng số lượng vốn huy động (tính theo mệnh giá):	220.000.000.000 VND (bao gồm 94.200.000.000 VND hoán đổi công nợ với Tổng Công ty Viglacera - CTCP và 125.800.000.000 VND phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty Viglacera - CTCP và các cổ đông khác)
7. Tổng số tiền thu từ việc chào bán cổ phiếu:	220.000.000.000 VND
8. Tổng chi phí phát hành:	131.706.917 VND
9. Tổng thu ròng từ đợt chào bán:	219.868.293.083 VND
10. Ngày bắt đầu chào bán:	30/05/2018
11. Ngày kết thúc chào bán:	23/08/2018
12. Phương án sử dụng vốn:	Huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động

### 2. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

#### 2.1. Kết quả thực hiện chào bán và điều chỉnh lại phương án sử dụng:

Theo phương án sử dụng vốn tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018 ngày 10/04/2018 và Nghị quyết HĐQT số 14/2018/NQ-HĐQT ngày 02/05/2018 về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và Công văn chấp thuận chào bán số 3379/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 28/05/2018, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (VND)
I	<b>Tăng vốn từ việc hoán đổi công nợ</b>	<b>94.200.000.000</b>
1	Hoán đổi công nợ với Tổng Công ty Viglacera - CTCP	94.200.000.000
II	<b>Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ</b>	<b>125.800.000.000</b>
1	Bổ sung vốn cho Công ty con là Công ty TNHH MTV Lắp dựng kính Viglacera (100% vốn góp của Công ty mẹ) để Công ty này thực hiện dự án di dời nhà máy hiện có và đầu tư chiều sâu, nâng công suất Dây chuyền gia công, lắp dựng kính chất lượng cao.	105.380.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động và tái cơ cấu tài chính	20.420.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>220.000.000.000</b>

Ngày 27/03/2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã phê duyệt phương án điều chỉnh (lần 2) mục đích sử dụng vốn từ nguồn phát hành tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ VND lên 300 tỷ VND năm 2018 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2020/NQ-HĐQT ngày 12/03/2020. Ngày 05/05/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua phương án điều chỉnh (lần 4) theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐQT. Phương án điều chỉnh (lần 4) nêu trên sẽ được Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo phương án sử dụng vốn tại Nghị quyết số 08/2020/NQ-HDQT ngày 12/03/2020 đã được phê duyệt (VND)	Số tiền theo phương án sử dụng vốn tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HDQT ngày 05/05/2020 chưa được phê duyệt (VND)
I	Tăng vốn từ việc hoán đổi công nợ	94.200.000.000	94.200.000.000
1	Hoán đổi công nợ với Tổng Công ty Viglacera – CTCP	94.200.000.000	94.200.000.000
II	Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ	125.800.000.900	125.800.000.000
1	Bổ sung vốn cho Công ty con là Công ty TNHH MTV Lắp dựng kính Viglacera (100% vốn góp của Công ty mẹ) để Công ty này thực hiện dự án di dời nhà máy hiện có và đầu tư chiều sâu, nâng công suất Dây chuyền gia công, lắp dựng kính chất lượng cao.	70.360.294.445	62.546.931.942
2	Bổ sung vốn lưu động và tái cơ cấu tài chính	55.439.705.555	63.253.068.058
	<b>Tổng cộng</b>	<b>220.000.000.000</b>	<b>220.000.000.000</b>

2.2. Báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020:

Tình hình sử dụng số vốn thu được từ đợt phát hành đến ngày 31/12/2020 theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HDQT ngày 05/05/2020, như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo phương án sử dụng vốn tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HDQT ngày 05/05/2020 (VND)	Số tiền đã sử dụng đến ngày 31/12/2020 (VND)	Chênh lệch - Nguồn vốn còn lại chưa sử dụng (VND)
I	Tăng vốn từ việc hoán đổi công nợ	94.200.000.000	94.200.000.000	-
1	Hoán đổi công nợ với Tổng Công ty Viglacera – CTCP	94.200.000.000	94.200.000.000	-
II	Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ	125.800.000.000	125.025.800.000	774.200.000
1	Bổ sung vốn cho Công ty con là Công ty TNHH MTV Lắp dựng kính Viglacera (100% vốn góp của Công ty mẹ) để Công ty này thực hiện dự án di dời nhà máy hiện có và đầu tư chiều sâu, nâng công suất Dây chuyền gia công, lắp dựng kính chất lượng cao (*)	62.546.931.942	61.772.731.942	774.200.000
2	Bổ sung vốn lưu động và tái cơ cấu tài chính	63.253.068.058	63.253.068.058	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>220.000.000.000</b>	<b>219.225.800.000</b>	<b>774.200.000</b>

(\*) Số tiền đã sử dụng đến ngày 31/12/2020 là 61.772.731.942 VND là số đã được chuyển cho công ty con - Công ty TNHH MTV Lắp dựng kính Viglacera để triển khai dự án Nhà máy gia công kính tiết kiệm năng lượng. Căn cứ theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐQT ngày 30/10/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc góp vốn bổ sung để tăng vốn điều lệ đợt 1 cho Công ty TNHH MTV Lắp dựng kính Viglacera từ 20 tỷ đồng lên 81,77 tỷ đồng tương ứng số tiền đã chuyển nêu trên.

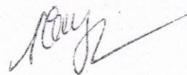
Số tiền phát hành chưa sử dụng được gửi tại Ngân hàng với số gốc tiền gửi (không bao gồm lãi phát sinh) tại ngày 31/12/2020 là 774.200.000 VND.

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

Người lập

Phụ trách kế toán



**Hoàng Thị Hằng**

**Hoàng Thị Hằng**

**Hoàng Kim Bồng**

